

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 3669 /SGDDĐT-KHTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 11 năm 2020

V/v Lấy ý kiến về Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định các khoản thu, mức thu, công tác quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025

Kính gửi:

- Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
- Ban Văn hóa Xã hội, Ban Kinh tế ngân sách – HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;

Thực hiện văn bản số 12944/UBND-THNC ngày 27/10/2020 của UBND tỉnh về việc khẩn trương tham mưu các nội dung trình HĐND tỉnh kỳ họp cuối năm 2020;

Sở Giáo dục và Đào tạo dự thảo các tài liệu gồm:

- Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định các khoản thu, mức thu, công tác quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025.

- Nghị quyết Quy định các khoản thu, mức thu, công tác quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025.

- Đề án Quy định các khoản thu, mức thu, công tác quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025.

Căn cứ quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Giáo dục và Đào tạo kính đề nghị Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Ban Văn hóa Xã hội, Ban Kinh tế Ngân sách – HĐND tỉnh, các sở ngành, và UBND các huyện, thành phố xem xét, có ý kiến góp ý.

Do yêu cầu về thời gian, rất mong các đơn vị xem xét, có ý kiến góp ý bằng văn bản gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 11/11/2020./. *7L*

Nơi nhận:

- Như trên;
- VP UBND tỉnh (đăng công TTĐT)
- Lưu: VT, KHTC *7L*



Trưởng Thị Kim Huệ

Số: /TTr-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2020

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định các khoản thu, mức thu, công tác quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Điểm b, Khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ về việc quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ về việc quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 28/2011/TT-BGDĐT ngày 15/7/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non thực ban hành kèm theo quyết định số 41/2008/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh kính trình HĐND tỉnh Đồng Nai dự thảo Nghị quyết “Quy định các khoản thu, mức thu, công tác quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo

dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025”; cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Tại Điểm b, Khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019, có hiệu lực từ ngày 01/7/2020 đã quy định “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.

Do đó, việc xây dựng Nghị quyết về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập là cần thiết nhằm đảm bảo việc thực hiện các khoản thu trong nhà trường đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế của địa phương.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích

Quy định các khoản thu trên địa bàn tỉnh tránh nhằm hạn chế tình trạng lạm thu; thống nhất trong công tác quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các trường công lập trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kiểm tra, thanh tra

2. Quan điểm

Đảm bảo các khoản thu, mức thu các khoản thu dịch vụ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của các địa phương, mức đóng góp của phụ huynh học sinh.

Xác định được các khoản thu, mức thu cụ thể, quy định được trách nhiệm quản lý của các địa phương, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đối với các khoản thu trong nhà trường, giúp hạn chế tình trạng lạm thu trong nhà trường.

Cùng với ngân sách nhà nước, các khoản thu hỗ trợ tốt hơn cho các hoạt động giáo dục của các nhà trường.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

- UBND tỉnh giao trách nhiệm Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố xây dựng Nghị quyết.

- Nội dung dự thảo Đề án, dự thảo Nghị quyết và dự thảo Tờ trình đã được đăng lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, đã tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của các cơ sở giáo dục, UBND các địa phương, các sở ngành liên quan và các đơn vị gồm: Mặt trận tổ quốc tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban VHXXH-HĐND tỉnh, Ban Kinh tế Ngân sách,

- Dự thảo Nghị quyết đã được các thành viên UBND tỉnh nghe, cho ý kiến và hoàn chỉnh theo góp ý.

- Dự thảo đã được Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định sự phù hợp về căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 2 phần: Phần căn cứ và phần quyết nghị.

- Phần căn cứ có 7 nội dung.
- Phần quyết nghị gồm 3 điều.

2. Nội dung của dự thảo nghị quyết

Điều 1. Quy định các khoản thu, mức thu, công tác quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định khoản thu, mức thu, công tác quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập gồm các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025.

2. Đối tượng áp dụng

Trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông (gọi tắt là học sinh), phụ huynh học sinh, người thực hiện công tác quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập

a) Khoản thu phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp

Khoản thu phục vụ học tập nhằm hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục mua sắm các dụng cụ, vật phẩm phục vụ trực tiếp cho học sinh như: Mua bổ sung ghế ngồi dự chào cờ, dự lễ cho học sinh; Photo đề thi kiểm tra, đề thi học kỳ; Mua phù hiệu; Mua học bạ cho học sinh đầu cấp.

Khoản thu vệ sinh trường lớp nhằm hỗ trợ các cơ sở giáo dục đảm bảo kinh phí trong việc hợp đồng thời vụ với người lao động để thực hiện dọn vệ sinh trường lớp.

b) Khoản thu phục vụ bán trú ở mầm non và tiểu học

Khoản thu nhằm mục đích đảm bảo chi hỗ trợ thêm giờ cho giáo viên, nhân viên phục vụ trông giữ học sinh buổi trưa các lớp học bán trú; chi hỗ trợ cho cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ; phụ thu tiền điện, nước, tăng cường trang thiết bị và các nội dung khác phục vụ hoạt động học bán trú.

c) Thu trông trẻ mầm non ngoài giờ hành chính

Khoản thu trông trẻ mầm non ngoài giờ hành chính nhằm hỗ trợ trả thêm giờ cho giáo viên, nhân viên phục vụ trông giữ học sinh sau giờ hành chính khi phụ huynh học sinh có yêu cầu.

4. Mức thu

Mức thu theo quy định dưới đây là mức thu tối đa. Tùy thuộc vào tình hình kinh tế từng địa phương (huyện, thành phố), theo nhu cầu đề xuất của cha mẹ học sinh, nhà trường thỏa thuận với cha mẹ học sinh về chủ trương và mức thu cụ thể, nhưng không vượt quá mức tối đa Nghị quyết này quy định.

a) Khoản thu phục vụ học tập; vệ sinh trường lớp

ĐVT: đồng/học sinh/tháng

ST T	Cấp học	Vùng 1 (Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom)	Vùng 2 (Các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất)	Vùng 3 (các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú)
1	Tiểu học			
	- Khối lớp 1	29.000	27.000	24.000
	- Khối lớp 2, 3, 4, 5	25.000	22.000	20.000
2	Trung học cơ sở			
	- Khối lớp 6	30.000	28.000	26.000
	- Khối lớp 7, 8, 9	25.000	23.000	21.000
3	Trung học phổ thông			
	- Khối lớp 10	33.000	31.000	29.000
	- Khối lớp 11, 12	26.000	24.000	22.000

b) Khoản thu phí bán trú (không bao gồm tiền ăn của học sinh)

ĐVT: đồng/học sinh/tháng

ST T	Cấp học	Vùng 1 (Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom)	Vùng 2 (Các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất)	Vùng 3 (các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú)
1	Tiểu học			
	- Thuê bên ngoài nấu	170.000		
	- Trường tổ chức nấu	225.000	220.000	215.000
2	Mẫu giáo, mầm non	240.000		

c) Thu trông trẻ mầm non ngoài giờ hành chính

ĐVT: đồng/giờ/học sinh

ST T	Cấp học	Vùng 1 (Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom)	Vùng 2 (Các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất)	Vùng 3 (các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú)
2	Mẫu giáo, mầm non	15.000		

Hàng năm căn cứ Nghị định của Chính phủ về quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, giao Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

5. Công tác quản lý thu, chi; chế độ miễn giảm

a) Thực hiện các khoản thu

- Để giảm bớt áp lực cho gia đình học sinh khi phải đóng nhiều khoản quy định vào đầu năm học, các đơn vị tuyệt đối không được ép buộc gia đình học sinh phải đóng đủ các khoản thu vào đầu năm mà xem xét tùy theo tính chất của các khoản thu và khả năng của cha mẹ học sinh để tổ chức thu làm nhiều lần trong năm học.

- Các cơ sở giáo dục khi thu các khoản khác phải sử dụng phiếu thu theo quy định.

- Thời gian thu:

+ Các khoản thu gồm: Thu phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp ở Tiểu học, THCS, THPT; thu phục vụ bán trú ở mầm non và tiểu học thu không quá 9 tháng/năm

+ Khoản thu trông trẻ mầm non ngoài giờ hành chính: thu theo thỏa thuận giữa nhà trường và cha mẹ học sinh

b) Công tác quản lý thu, chi

- Các khoản thu được để lại 100% để sử dụng tại các đơn vị nhằm chi trả cho các nội dung chi theo đúng mục đích của các khoản thu. Tuyệt đối không sử dụng khoản thu này để điều chuyển hoặc chi cho nội dung, mục đích khác.

- Việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, thu vừa đủ chi (*nếu có tồn quỹ cuối kỳ không quá 01% trên tổng số thu*) mang tính chất phục vụ, không mang tính kinh doanh; phải công khai, dân chủ, chi đúng mục đích.

- Thực hiện công khai các khoản thu, chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, nghiêm túc thực hiện các quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Ngoài các khoản kinh phí được thu theo quy định và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của trường tại Nghị quyết này, các trường công lập trên địa bàn tỉnh không được thỏa thuận bất cứ khoản thu nào khác.

- Hạch toán các khoản thu, chi các khoản thu dịch vụ theo quy định và chế độ chi được thống nhất trong hội đồng nhà trường, được đưa vào quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

c) Chế độ miễn, giảm

Căn cứ tình hình thực tế nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh thống nhất xem xét miễn, giảm cho các trường hợp sau:

- Miễn các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động (không bao gồm tiền ăn) đối với học sinh: Có cha mẹ thuộc hộ nghèo theo quy định; bị tàn tật, khuyết tật; mồ côi cả cha lẫn mẹ; người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;

- Giảm 50% các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động (không bao gồm tiền ăn) đối với học sinh: con của gia đình hộ cận nghèo, con mồ côi cha hoặc mẹ gặp khó khăn về kinh tế.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các Kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2020 và có hiệu lực từ ngày tháng năm.

Trên đây là Tờ trình dự thảo nội dung Nghị quyết “Quy định mức thu, công tác quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025”, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm: Đề án Quy định các khoản thu, mức thu, công tác quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Chánh, Phó Chánh VP. UBND tỉnh (VX);
- Lưu: VT, VX, TH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hòa Hiệp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2020/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2020

Dự thảo (lần 1)

NGHỊ QUYẾT

Quy định các khoản thu, mức thu, công tác quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

KHÓA ..., KỲ HỌP THỨ ...

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Điểm b, Khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ về việc quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ về việc quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 28/2011/TT-BGDĐT ngày 15/7/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục ban hành kèm theo quyết định số 41/2008/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày...tháng...năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số.../BC-VHXXH-HĐND ngày ...tháng...năm 2020 của

Ban văn hóa – xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định các khoản thu, mức thu, công tác quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định khoản thu, mức thu, công tác quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập gồm các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025.

2. Đối tượng áp dụng

Trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông (gọi tắt là học sinh), phụ huynh học sinh, người thực hiện công tác quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập

a) Khoản thu phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp

Khoản thu phục vụ học tập nhằm hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục mua sắm các dụng cụ, vật phẩm phục vụ trực tiếp cho học sinh như: Mua bổ sung ghế ngồi dự chào cờ, dự lễ cho học sinh; Photo đề thi kiểm tra, đề thi học kỳ; Mua phù hiệu; Mua học bạ cho học sinh đầu cấp.

Khoản thu vệ sinh trường lớp nhằm hỗ trợ các cơ sở giáo dục đảm bảo kinh phí trong việc hợp đồng thời vụ với người lao động để thực hiện dọn vệ sinh trường lớp.

b) Khoản thu phục vụ bán trú ở mầm non và tiểu học

Khoản thu nhằm mục đích đảm bảo chi hỗ trợ thêm giờ cho giáo viên, nhân viên phục vụ trông giữ học sinh buổi trưa các lớp học bán trú; chi hỗ trợ cho cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ; phụ thu tiền điện, nước, tăng cường trang thiết bị và các nội dung khác phục vụ hoạt động học bán trú.

c) Thu trông trẻ mầm non ngoài giờ hành chính

Khoản thu trông trẻ mầm non ngoài giờ hành chính nhằm hỗ trợ trả thêm giờ cho giáo viên, nhân viên phục vụ trông giữ học sinh sau giờ hành chính khi phụ huynh học sinh có yêu cầu.

4. Mức thu

Mức thu theo quy định dưới đây là mức thu tối đa. Tùy thuộc vào tình hình kinh tế từng địa phương (huyện, thành phố), theo nhu cầu đề xuất của cha mẹ học sinh, nhà trường thỏa thuận với cha mẹ học sinh về chủ trương và mức thu cụ thể, nhưng không vượt quá mức tối đa Nghị quyết này quy định.

a) Khoản thu phục vụ học tập; vệ sinh trường lớp

ĐVT: đồng/học sinh/tháng

ST T	Cấp học	Vùng 1 (Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom)	Vùng 2 (Các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất)	Vùng 3 (các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú)
1	Tiểu học			
	- Khối lớp 1	29.000	27.000	24.000
	- Khối lớp 2, 3, 4, 5	25.000	22.000	20.000
2	Trung học cơ sở			
	- Khối lớp 6	30.000	28.000	26.000
	- Khối lớp 7, 8, 9	25.000	23.000	21.000
3	Trung học phổ thông			
	- Khối lớp 10	33.000	31.000	29.000
	- Khối lớp 11, 12	26.000	24.000	22.000

b) Khoản thu phí bán trú (không bao gồm tiền ăn của học sinh)

ĐVT: đồng/học sinh/tháng

ST T	Cấp học	Vùng 1 (Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom)	Vùng 2 (Các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất)	Vùng 3 (các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú)
1	Tiểu học			
	- Thuê bên ngoài nấu	170.000		
	- Trường tổ chức nấu	225.000	220.000	215.000
2	Mẫu giáo, mầm non	240.000		

c) Thu trông trẻ mầm non ngoài giờ hành chính

ĐVT: đồng/giờ/học sinh

ST T	Cấp học	Vùng 1 (Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom)	Vùng 2 (Các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất)	Vùng 3 (các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú)
2	Mẫu giáo, mầm non	15.000		

Hàng năm căn cứ Nghị định của Chính phủ về quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, giao Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

5. Công tác quản lý thu, chi; chế độ miễn giảm

a) Thực hiện các khoản thu

- Để giảm bớt áp lực cho gia đình học sinh khi phải đóng nhiều khoản quy định vào đầu năm học, các đơn vị tuyệt đối không được ép buộc gia đình học sinh phải đóng đủ các khoản thu vào đầu năm mà xem xét tùy theo tính chất của các khoản thu và khả năng của cha mẹ học sinh để tổ chức thu làm nhiều lần trong năm học.

- Các cơ sở giáo dục khi thu các khoản khác phải sử dụng phiếu thu theo quy định.

- Thời gian thu:

+ Các khoản thu gồm: Thu phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp ở Tiểu học, THCS, THPT; thu phục vụ bán trú ở mầm non và tiểu học thu không quá 9 tháng/năm

+ Khoản thu trông trẻ mầm non ngoài giờ hành chính: thu theo thỏa thuận giữa nhà trường và cha mẹ học sinh

b) Công tác quản lý thu, chi

- Các khoản thu được để lại 100% để sử dụng tại các đơn vị nhằm chi trả cho các nội dung chi theo đúng mục đích của các khoản thu. Tuyệt đối không sử dụng khoản thu này để điều chuyển hoặc chi cho nội dung, mục đích khác.

- Việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, thu vừa đủ chi (*nếu có tồn quỹ cuối kỳ không quá 01% trên tổng số thu*) mang tính chất phục vụ, không mang tính kinh doanh; phải công khai, dân chủ, chi đúng mục đích.

- Thực hiện công khai các khoản thu, chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, nghiêm túc thực hiện các quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Ngoài các khoản kinh phí được thu theo quy định và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của trường tại Nghị quyết này, các trường công lập trên địa bàn tỉnh không được thỏa thuận bất cứ khoản thu nào khác.

- Hạch toán các khoản thu, chi các khoản thu dịch vụ theo quy định và chế độ chi được thống nhất trong hội đồng nhà trường, được đưa vào quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

c) Chế độ miễn, giảm

Căn cứ tình hình thực tế nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh thống nhất xem xét miễn, giảm cho các trường hợp sau:

- Miễn các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động (không bao gồm tiền ăn) đối với học sinh: Có cha mẹ thuộc hộ nghèo theo quy định; bị tàn tật, khuyết tật; mồ côi cả cha lẫn mẹ; người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;

- Giảm 50% các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động (không bao gồm tiền ăn) đối với học sinh: con của gia đình hộ cận nghèo, con mồ côi cha hoặc mẹ gặp khó khăn về kinh tế.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các Kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2020 và có hiệu lực từ ngày tháng năm./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB. QPPL Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai, LĐĐN, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

ĐỀ ÁN

Quy định các khoản thu, mức thu, công tác quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025

(Kèm theo Tờ trình số : /TTr-UBND ngày / /2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phần thứ I

SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp Luật năm 2015;

Căn cứ Điểm b, Khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ về việc quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ về việc quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về việc giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế;

Căn cứ Thông tư số 28/2011/TT-BGDĐT ngày 15/7/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục ban hành kèm theo quyết định số 41/2008/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Công văn số 2705/BTP-VĐCXDPL ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thông báo các nội dung giao chính quyền địa phương quy định chi tiết các Luật được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 7;

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN MỨC THU, CÔNG TÁC QUẢN LÝ CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI TỪ NĂM HỌC 2020-2021 ĐẾN NĂM HỌC 2024-2025.

1. Thực trạng các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường hiện nay

Vào đầu năm học hàng năm, các trường công lập trên địa bàn tỉnh được thu các khoản thu theo quy định của nhà nước như: học phí, bảo hiểm y tế, quỹ ban đại diện cha mẹ học sinh, trong đó các khoản thu như: học phí, bảo hiểm y tế là các khoản thu bắt buộc được ấn định với mức thu cụ thể; quỹ ban đại diện cha mẹ học sinh được thực hiện theo hình thức tự nguyện, không ấn định mức thu bình quân cho phụ huynh học sinh.

Bên cạnh đó, trên cơ sở hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo các cơ sở giáo dục còn thực hiện thỏa thuận với phụ huynh học sinh thu các khoản để phục vụ cho bản thân học sinh hoặc hỗ trợ các hoạt động phát sinh ngoài các nội dung chi thường xuyên của nhà trường như: Khoản thu phục vụ học tập, trả công vệ sinh trường lớp; phí học bán trú.

- Khoản thu phục vụ học tập

Việc thu nhằm mục đích mua sắm, trang bị những dụng cụ, thiết bị phục vụ trực tiếp học sinh nhưng đòi hỏi phải thống nhất về mẫu mã như:

+ Mua bổ sung ghế ngồi dự chào cờ, dự lễ cho học sinh (thực hiện ở lớp đầu cấp); mức thu khoảng 40.000 đồng/HS đầu cấp đối với các trường trung học và khoảng 30.000 đồng/HS đầu cấp đối với các trường tiểu học.

+ Phô tô đề thi kiểm tra, đề thi học kỳ, mức thu khoảng 50.000 đồng/HS/năm đến 60.000 đồng/HS/năm.

+ Mua học bạ cho học sinh đầu cấp, mức thu khoảng 10.000 đồng/HS đầu cấp.

Khoản thu trên được các trường thông báo đến phụ huynh học sinh vào đầu năm học, trên cơ sở thống nhất của phụ huynh học sinh, nhà trường tổ chức thu và chi.

- Khoản thu trả công vệ sinh trường lớp

Hiện nay, các cơ sở giáo dục chỉ bố trí từ 1-2 phục vụ, trong khi các nhiệm vụ dọn vệ sinh trường lớp khá nhiều như: vệ sinh các khu vệ sinh của học sinh (bình quân mỗi trường có 5-6 khu vệ sinh); vệ sinh khu vực sân trường; vệ sinh khu vực lớp học nên công tác vệ sinh trường học không xuể, dẫn đến các nhà vệ sinh không đảm bảo vệ sinh.

Trong thời gian qua, các cơ sở giáo dục thực hiện thu tiền vệ sinh trường lớp để hợp đồng thời vụ với người lao động để thực hiện dọn vệ sinh trường lớp.

Mức thu trên cơ sở thỏa thuận, thống nhất giữa phụ huynh học sinh và nhà trường.

- Khoản thu phục vụ bán trú.

Hiện nay, nhu cầu học bán trú ngày càng cao do phụ huynh tin tưởng khi gửi con em cho nhà trường quản lý để an tâm trong công việc nên việc các trường thực hiện tổ chức bán trú là nhu cầu rất cần thiết.

Để thực hiện bán trú, các trường phải thực hiện thu khoản thu để chi trả các nội dung gồm:

+ Tiền ăn của học sinh, tiền nước uống cho học sinh (*thỏa thuận trực tiếp với phụ huynh học sinh*).

+ Trả thêm giờ cho giáo viên dạy bán trú, nhân viên cấp dưỡng do phải trực buổi trưa cho cháu ngủ, nghỉ (đối với giáo viên) và phải đi chợ sớm, rửa chén bát buổi trưa đối với nhân viên cấp dưỡng.

+ Chi trả cho cán bộ quản lý tại trường, nhân viên phục vụ khác; tiền điện, nước, tăng cường cơ sở vật chất và các nội dung khác phục vụ hoạt động học bán trú.

Hiện nay mức thu trên thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa phụ huynh học sinh và nhà trường, mức thu của mỗi trường là khác nhau

2. Một số hạn chế, tồn tại đối với việc thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường hiện nay

- Do tính chất thỏa thuận giữa nhà trường và phụ huynh học sinh nên mức thu của các trường là khác nhau, thậm chí các trường ở cùng khu vực, cùng địa bàn hay thậm chí lân cận nhau nhưng có mức thu khác nhau nên dẫn đến những thắc mắc, phản ánh của phụ huynh học sinh hàng năm.

- Có những cơ sở giáo dục do ngại phản ánh của phụ huynh học sinh và cơ sở pháp lý không có nên việc thực hiện thu còn e dè dẫn đến những hạn chế, khó khăn trong hoạt động của nhà trường. Ngược lại, có những cơ sở giáo dục lại căn cứ trên thỏa thuận để thu với mức thu khá cao dẫn đến gánh nặng cho phụ huynh học sinh trong khi cuối năm khoản thu chỉ không hết, tồn quỹ và chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

- Do chưa có cơ sở pháp lý nên việc hướng dẫn, công tác kiểm tra chưa được chú trọng tại các cơ sở giáo dục cũng như các cơ quan quản lý trực tiếp theo phân cấp quản lý.

3. Sự cần thiết xây dựng đề án mức thu, công tác quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025.

Việc ban hành các khoản thu, xây dựng mức thu thống nhất, phù hợp sẽ góp phần hỗ trợ tốt cho các trường trong thực hiện nhiệm vụ, hạn chế tình trạng lạm thu trong nhà trường, tình trạng khiếu nại, thắc mắc của phụ huynh về các khoản thu, mức trong nhà trường.

Tại Điểm b, Khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019, có hiệu lực từ ngày 01/7/2020 đã quy định “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.

Do đó, việc xây dựng Nghị quyết về Quy định các khoản thu, mức thu, công tác quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 là cần thiết nhằm đảm bảo việc thực hiện các khoản thu trong nhà trường đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế của địa phương.

Phần thứ II

NỘI DUNG ĐỀ ÁN MỨC THU, CÔNG TÁC QUẢN LÝ CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI TỪ NĂM HỌC 2020-2021 ĐẾN NĂM HỌC 2024-2025

I. QUAN ĐIỂM

Đảm bảo mức thu các khoản thu dịch vụ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của các địa phương, mức đóng góp của phụ huynh học sinh.

Xác định được các khoản thu, mức thu cụ thể, quy định được trách nhiệm quản lý của các địa phương, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đối với các khoản thu trong nhà trường, giúp hạn chế tình trạng lạm thu trong nhà trường.

Cùng với ngân sách nhà nước, các khoản thu hỗ trợ tốt hơn cho các hoạt động giáo dục của các nhà trường.

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định khoản thu, mức thu, công tác quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập gồm các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025.

2. Đối tượng áp dụng

Trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông (gọi tắt là học sinh), phụ huynh học sinh, người thực hiện công tác quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

III. CÁC KHOẢN THU, MỨC THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG

1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường

1.1. Khoản thu phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp

1.1.1 Mục đích

Khoản thu phục vụ học tập nhằm hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục mua sắm các dụng cụ, vật phẩm phục vụ trực tiếp cho học sinh như: Mua bổ sung ghế ngồi dự chào cờ, dự lễ cho học sinh; Photo đề thi kiểm tra, đề thi học kỳ; Mua phù hiệu; Mua học bạ cho học sinh đầu cấp.

Khoản thu vệ sinh trường lớp nhằm hỗ trợ các cơ sở giáo dục đảm bảo kinh phí trong việc hợp đồng thời vụ với người lao động để thực hiện dọn vệ sinh trường lớp.

1.1.2. Cơ sở đề xuất khoản thu phục vụ học tập; vệ sinh trường lớp

Việc mua sắm, trang bị các vật phẩm như ghế ngồi cho học sinh, đề thi kiểm tra, đề thi học kỳ; Mua phù hiệu; Mua học bạ cho học sinh đầu cấp là phục vụ trực tiếp cho học sinh, kinh phí chi thường xuyên của các cơ sở giáo dục không thực hiện chi các nội dung trên.

Bên cạnh đó, hiện nay ngân sách chi hỗ trợ cho vị trí phục vụ ở các cơ sở giáo dục từ 1-2 người, trong khi các nhiệm vụ dọn vệ sinh trường lớp khá nhiều như: vệ sinh các khu vệ sinh của học sinh (bình quân mỗi trường có 6-7 khu vệ sinh), vệ sinh khu vực sân trường, vệ sinh khu vực lớp học trong khi xu hướng hiện nay phụ huynh học sinh đều muốn con em an tâm học hành, không phải tham gia hoạt động vệ sinh trường lớp nên đòi hỏi các nhà trường phải hợp đồng thêm lao động thời vụ để làm công tác vệ sinh từ nguồn phụ huynh học sinh đóng góp.

Do vậy, việc thực hiện các khoản thu trên là cần thiết nhằm đảm bảo nguồn kinh phí cho các cơ sở giáo dục thực hiện mua sắm, phục vụ trực tiếp cho học sinh phù hợp với thực tế hoạt động của các cơ sở giáo dục.

1.2. Khoản thu phục vụ bán trú ở mầm non và tiểu học

1.2.1. Mục đích

Khoản thu phục vụ bán trú ở mầm non và tiểu học nhằm hỗ trợ các cơ sở giáo dục thực hiện một số nhiệm vụ thay cha mẹ học sinh trong công tác nuôi, dạy trẻ em học mầm non và học sinh tiểu học (gọi tắt là học sinh) cụ thể như sau:

a) Tiền ăn của học sinh, tiền nước uống cho học sinh (thỏa thuận trực tiếp với phụ huynh học sinh về suất ăn, loại nước uống).

b) Hỗ trợ thêm giờ cho giáo viên, nhân viên phục vụ trông giữ học sinh buổi trưa các lớp học bán trú.

đ) Chi trả cho cán bộ quản lý tại trường, nhân viên phục vụ; phụ thu tiền điện, nước, tăng cường trang thiết bị và các nội dung khác phục vụ hoạt động học bán trú.

1.2.2. Cơ cơ đề xuất các khoản thu

Khoản 3, điều 6, Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ về việc quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non đã nêu: “Cơ sở giáo dục mầm non công lập được thực hiện một số dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm: dịch vụ bán trú, dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ, dịch vụ đưa đón trẻ”

Căn cứ Thông tư số 28/2011/TT-BGDĐT ngày 15/7/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục ban hành kèm theo quyết định số 41/2008/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; theo đó, tại Điều 1 của thông tư quy định về công tác bán trú cho trẻ mầm non (ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ, ngủ 1 giấc trưa)

Văn bản số 3866/BGDĐT-GDTH ngày 26/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn chuẩn bị tổ chức dạy học đối với lớp 1 năm học 2020 – 2021, trong đó Bộ Giáo dục và Đào tạo khuyến khích tăng cường bán trú cho học sinh tiểu học.

Thực tế trong hoạt động bán trú, học sinh phải nghỉ lại tại trường, giáo viên phải thực hiện trực lớp nhằm ổn định và quản lý học sinh ngủ, nghỉ theo quy định, nhân viên cấp dưỡng phải hỗ trợ công tác chuẩn bị bữa ăn, rửa chén bát (phải đi sớm để chuẩn bị bữa ăn, phải rửa chén bát khi học sinh dùng bữa xong, thường là sau giờ dạy học buổi sáng). Do vậy, cần có kinh phí để bồi dưỡng, hỗ trợ cho đội ngũ này. Ngoài ra, do hoạt động bán trú sẽ phát sinh tăng thêm các chi phí về điện, nước nên cũng cần có kinh phí hỗ trợ thêm để trang trải nhằm đảm bảo hoạt động của các cơ sở giáo dục.

Do vậy, việc thực hiện các khoản thu trên là cần thiết nhằm đảm bảo nguồn kinh phí cho các cơ sở giáo dục thực hiện công tác bán trú cho học sinh thuận lợi theo chủ trương của nhà nước và phù hợp với thực tế hoạt động của các cơ sở giáo dục hiện nay.

1.3. Thu trông trẻ mầm non ngoài giờ hành chính (sau giờ học)

1.3.1. Mục đích

Khoản thu trông trẻ mầm non ngoài giờ hành chính nhằm hỗ trợ trả thêm giờ cho giáo viên, nhân viên phục vụ trông giữ học sinh sau giờ hành chính khi phụ huynh học sinh có yêu cầu.

1.3.2. Cơ sở đề xuất khoản thu

Khoản 3, Điều 6, Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ về việc quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non đã nêu: “Cơ sở giáo dục mầm non công lập được thực hiện một số dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm: dịch vụ bán trú, dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ, dịch vụ đưa đón trẻ”

2. Mức thu

2.1. Mức thu cụ thể của các khoản thu

Mức thu theo quy định dưới đây là mức thu tối đa. Tùy thuộc vào tình hình kinh tế từng địa phương (huyện, thành phố), theo nhu cầu đề xuất của cha mẹ học sinh, nhà trường thỏa thuận với cha mẹ học sinh về chủ trương và mức thu cụ thể, nhưng không vượt quá mức tối đa Nghị quyết này quy định.

2.1.1 Khoản thu phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp

ĐVT: đồng/học sinh/tháng

ST T	Cấp học	Vùng 1 (Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom)	Vùng 2 (Các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất)	Vùng 3 (các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú)
1	Tiểu học			
	- Khối lớp 1	29.000	27.000	24.000
	- Khối lớp 2, 3, 4, 5	25.000	22.000	20.000
2	Trung học cơ sở			
	- Khối lớp 6	30.000	28.000	26.000
	- Khối lớp 7, 8, 9	25.000	23.000	21.000
3	Trung học phổ thông			
	- Khối lớp 10	33.000	31.000	29.000
	- Khối lớp 11, 12	26.000	24.000	22.000

2.1.2. Khoản thu phục vụ bán trú (không bao gồm tiền ăn của học sinh)

ĐVT: đồng/học sinh/tháng

ST T	Cấp học	Vùng 1 (Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom)	Vùng 2 (Các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất)	Vùng 3 (các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú)
1	Tiểu học			
	- Thuê bên ngoài nấu	170.000		
	- Trường tổ chức nấu	225.000	220.000	215.000
2	Mẫu giáo, mầm non	240.000		

2.1.3. Khoản thu trông trẻ mầm non ngoài giờ hành chính (sau giờ học)

ĐVT: đồng/giờ/học sinh

ST T	Cấp học	Vùng 1 (Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom)	Vùng 2 (Các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất)	Vùng 3 (các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú)
2	Mẫu giáo, mầm non	15.000		

Hàng năm căn cứ Nghị định của Chính phủ về quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, giao Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

2.2. Thuyết minh cơ sở xây dựng mức thu

2.2.1 Khoản thu phục vụ học tập; vệ sinh trường lớp

a) Đối với các trường trung học phổ thông

Khoản thu để trang trải chi trả cho các nội dung gồm: tiền ghế ngồi của học sinh; photo đề thi học kỳ, giấy kiểm tra; mua học bạ cho học sinh đầu cấp; mua phù hiệu cho học sinh và thu tiền thuê nhân công vệ sinh trường lớp.

S T T	Nội dung	Đơn giá	Học sinh/số người		Số lượng /số lượt	Kinh phí		Kinh phí bình quân/học sinh/tháng	
			K10	K11, 12		K10	K11, 12	K10	K11, 12
1	Mua ghế bổ sung đầu cấp	60.000	410	82	1	24.600.000	4.920.000	6.667	667
2	Pho to đề, giấy kiểm tra: 10.000đ/01 hs/lượt	10.000	410	820	6	24.600.000	49.200.000	6.667	6.667
3	Mua học bạ đầu cấp, bổ sung	10.000	410		1	4.100.000	-	1.111	-
4	Phù hiệu	3.500	410	820	4	5.740.000	1.480.000	1.556	1.556
5	Thuê nhân công quét dọn, chăm sóc sân vườn (theo lương tối thiểu vùng)								
	Vùng 1 (Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom)	4.420.000	5		9	198.900.000		17.967	17.967
	Vùng 2 (Các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất)	3.920.000	5		9	176.400.000		15.935	15.935
	Vùng 3 (các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú)	3.430.000	5		9	154.350.000		13.943	13.943

Kinh phí thu trên học sinh/tháng

Kinh phí thu (đồng/HS/tháng)	Kinh phí thu (đồng/HS/tháng)	
	K10	K11, 12
Vùng 1 (Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện Nhon Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom)	33.967	26.856
Vùng 2 (Các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất)	31.935	24.824
Vùng 3 (các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú)	29.943	22.832

Kinh phí trên được tính toán tại trường THPT có quy mô 1.230 học sinh, 31 lớp, 65 giáo viên, 28 phòng học, 6 khu vệ sinh (cả học sinh và giáo viên).

b) Đối với các trường trung học cơ sở

Khoản thu để trang trải chi trả cho các nội dung gồm: tiền ghế ngồi của học sinh; photo đề thi học kỳ, giấy kiểm tra; mua học bạ cho học sinh đầu cấp; mua phù hiệu cho học sinh và thu tiền thuê nhân công vệ sinh trường lớp.

S T T	Nội dung	Đơn giá	Học sinh/số người		Số lượng /số lượt	Kinh phí		Kinh phí bình quân/học sinh/tháng	
			K6	K7,8,9		K6	K7,8,9	K7	K7,8,9
1	Mua ghế bổ sung đầu cấp	40.000	308	92	1	12.300.000	3.690.000	4.444	444
2	Pho to đề, giấy kiểm tra: 10.000đ/01 hs/lượt	10.000	308	923	5	15.375.000	46.125.000	5.556	5.556
3	Mua học bạ đầu cấp, bổ sung	10.000	308		1	3.075.000	-	1.111	-
4	Phù hiệu	3.500	308	923	4	4.305.000	12.915.000	1.556	1.556
5	Thuê nhân công quét dọn, chăm sóc sân vườn (theo lương tối thiểu vùng)								
	Vùng 1 (Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện Nhon Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom)	4.420.000	5		9	198.900.000		17.967	17.967
	Vùng 2 (Các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất)	3.920.000	5		9	176.400.000		15.935	15.935
	Vùng 3 (các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú)	3.430.000	5		9	154.350.000		13.943	13.943

Kinh phí thu trên học sinh/tháng

Kinh phí thu (đồng/HS/tháng)	Kinh phí thu (đồng/HS/tháng)	
	K7	K7,8,9
Vùng 1 (Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom)	30.634	25.523
Vùng 2 (Các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất)	28.602	23.491
Vùng 3 (các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú)	26.610	21.499

Kinh phí trên được tính toán tại trường THCS có quy mô 1.230 học sinh, 27 lớp, 52 giáo viên, 24 phòng học, 5 khu vệ sinh (cả học sinh và giáo viên).

c) Đối với các trường tiểu học

Khoản thu để trang trải chi trả cho các nội dung gồm: tiền ghế ngồi của học sinh; mua học bạ cho học sinh đầu cấp; mua phù hiệu cho học sinh và thu tiền thuê nhân công vệ sinh trường lớp.

S T T	Nội dung	Đơn giá	Học sinh/số người		Số lượng / số lượt	Kinh phí		Kinh phí bình quân/học sinh/tháng	
			K1	K2, 3,4, 5		K1	K2, 3,4,5	K1	K2,3,4, 5
1	Mua ghế bổ sung đầu cấp	30.000	160	64	1	4.800.000	1.920.000	3.333	333
2	Pho to đề, giấy kiểm tra: 10.000đ/01 hs/ lượt	10.000	160	640	1	1.600.000	6.400.000	1.111	1.111
3	Mua học bạ đầu cấp, bổ sung	10.000	160		1	1.600.000	-	1.111	-
4	Phù hiệu	3.500	160	640	4	2.240.000	8.960.000	1.556	1.556
5	Thuê nhân công quét dọn, chăm sóc sân vườn (theo lương tối thiểu vùng)								
	Vùng 1 (Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom)	4.420.000	4		9	159.120.000		22.100	22.100
	Vùng 2 (Các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất)	3.920.000	4		9	141.120.000		19.600	19.600
	Vùng 3 (các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú)	3.430.000	4		9	123.480.000		17.150	17.150

Kinh phí thu trên học sinh/tháng

Kinh phí thu (đồng/HS/tháng)	K1	K2,3,4,5
Vùng 1 (Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom)	29.211	25.100
Vùng 2 (Các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất)	26.711	22.600
Vùng 3 (các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú)	24.261	20.150

2.2.2. Khoản thu phục vụ bán trú

a) Đối với tiểu học

Khoản thu bán trú của tiểu học nhằm hỗ trợ kinh phí cho giáo viên trực lớp trong giờ ngủ, nghỉ trưa của học sinh; kinh phí chi trả thêm giờ cho nhân viên cấp dưỡng đối với trường mầm non và chi phí trả lương cho nhân viên cấp dưỡng đối với tiểu học (trong trường hợp nhà trường tổ chức tự nấu ăn) và chi phí hỗ trợ cho cán bộ quản lý, các nhân viên hành chính khác, cùng với chi phí tiền điện, nước phát sinh do học bán trú.

STT	Nội dung	Đơn giá	số lượng	lượt/ngày	Thành tiền
1	Cấp dưỡng				
	Vùng 1 (Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom)	4.420.000	11	1	47.146.667
	Vùng 2 (Các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất)	3.920.000	11	1	41.813.333
	Vùng 3 (các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú)	3.430.000	11	1	36.586.667
2	Trực trưa (2 giờ/cô x 22 cô x 70.000 đ/ giờ x 22 ngày)	70.000	50	22	77.000.000
3	Quản lý 5%	-			6.207.333
4	Phụ thu: điện, nước sinh hoạt, chất đốt, bổ sung bát ăn, dụng cụ nấu ăn...3.000 đ/01 ngày/ cháu để phục vụ cho công tác bán trú	3.000	800	22	52.800.000

Dự kiến mức thu (đồng/HS/tháng)

Nội dung	Tổng kinh phí	Số tiền thu (đồng/HS/tháng)
1. Trường tổ chức nấu ăn, phải thuê nhân viên cấp dưỡng ((1)+(2)+(3)+(4))		
Vùng 1 (Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom)	183.154.000	228.943
Vùng 2 (Các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất)	177.820.667	222.276
Vùng 3 (các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú)	172.594.000	215.743
2. Trường không tổ chức nấu ăn, suất ăn do đơn vị bên ngoài cung cấp ((2)+(3)+(4))	135.960.000	169.950

Kinh phí trên được tính toán tại trường tiểu học có quy mô 800 học sinh, 25 lớp, 38 giáo viên, trường hợp nhà trường tự nấu ăn thì số cấp dưỡng cần thuê là 4 người (75 học sinh thuê 1 nhân viên cấp dưỡng).

Định mức tiền giờ của giáo viên được tính từ quỹ lương thực tế của nhà trường; chi phí thuê nhân viên cấp dưỡng theo lương tối thiểu vùng tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ về việc quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Số giờ giáo viên được hỗ trợ trực cho học sinh ngủ, nghỉ là 2 giờ/ngày.

Số giáo viên được hỗ trợ là 1 cô/1 lớp

b) Đối với mầm non

Khoản thu bán trú của mầm non nhằm hỗ trợ kinh phí cho giáo viên trực lớp trong giờ ngủ, nghỉ trưa của học sinh (2 giờ); hỗ trợ cho nhân viên cấp dưỡng do phải đi chợ sớm để chuẩn bị bữa ăn, rửa chén buổi trưa ... (1 giờ); chi phí hỗ trợ cho cán bộ quản lý, các nhân viên hành chính khác, cùng với chi phí tiền điện, nước phát sinh do tổ chức bán trú.

STT	Nội dung	Đơn giá	số lượng	Số ngày	Thành tiền
1	Hỗ trợ trực bán trú cho nhân viên cấp dưỡng: 50.000 đồng/giờ x 1 giờ x 22 ngày	50.000	12	22	13.200.000
2	Trực trưa (2 giờ/cô x 2 cô/lớp x 20 lớp x 70.000 đ/ giờ x 22 ngày/tháng)	50.000	80	22	88.000.000
3	Quản lý 5%	-			5.060.000
4	Phụ thu: điện, nước sinh hoạt, chất đốt, bổ sung bát ăn, dụng cụ nấu ăn...3.000 đ/01 ngày/ cháu để phục vụ cho công tác bán trú	3.000	600	22	39.600.000
	Tổng cộng				145.860.000

Dự kiến mức thu (đồng/HS/tháng)

Nội dung	Tổng kinh phí	Số tiền thu (đồng/HS/tháng)
Hỗ trợ bán trú mầm non	145.860.000	243.100

Kinh phí trên được tính toán tại trường mầm non có quy mô 600 học sinh, 20 lớp, 44 giáo viên, 12 nhân viên cấp dưỡng (50 cháu thuê 1 nhân viên cấp dưỡng)

Định mức tiền giờ của giáo viên, nhân viên cấp dưỡng được tính từ quỹ lương thực tế của nhà trường

Số giờ giáo viên được hỗ trợ trực cho học sinh ngủ, nghỉ là 2 giờ/ngày, nhân viên cấp dưỡng được hỗ trợ 1 giờ/ngày. Số giáo viên được hỗ trợ là 2 cô/1 lớp

2.2.3. Thu trông trẻ mầm non ngoài giờ hành chính

Kinh phí trông giữ trẻ ngoài giờ hành chính (sau giờ học) nhằm hỗ trợ kinh phí cho giáo viên phải ở lại giữ trẻ sau giờ tan lớp (buổi chiều). Định mức kinh phí được tính trên cơ sở thực tế tiền giờ dạy của giáo viên theo quỹ lương.

STT	Nội dung	Đơn giá	số lượng	Số giờ	Thành tiền
2	Trực giữ trẻ ngoài giờ hành chính (sau giờ tan lớp)	70.000		1	70.000
3	Quản lý 5%				3.500
4	Phụ thu: tiền điện	500	5	1	2.500
	Tổng cộng				76.000

Kinh phí trông giữ trẻ/giờ

Nội dung	Tổng kinh phí	Số tiền (đồng/trẻ/giờ)
Mức thu trông giữ trẻ ngoài giờ hành chính (sau giờ học)	76.000	15.200

Kinh phí trông giữ trẻ ngoài giờ hành chính được tính trên định mức khoảng 1 cô giữ khoảng 5 trẻ.

Các chi phí liên quan đến công tác trông giữ trẻ gồm: tiền công cô giáo, tiền hỗ trợ quản lý, tiền điện.

IV. CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU, CHI; CHẾ ĐỘ MIỄN GIẢM

1. Thực hiện các khoản thu

- Để giảm bớt áp lực cho gia đình học sinh khi phải đóng nhiều khoản quy định vào đầu năm học, các đơn vị tuyệt đối không được ép buộc gia đình học sinh phải đóng đủ các khoản thu vào đầu năm mà xem xét tùy theo tính chất của các khoản thu và khả năng của cha mẹ học sinh để tổ chức thu làm nhiều lần trong năm học.

- Các cơ sở giáo dục khi thu các khoản khác phải sử dụng phiếu thu theo quy định.

- Thời gian thu:

+ Các khoản thu gồm: Thu phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp ở Tiểu học, THCS, THPT; thu phục vụ bán trú ở mầm non và tiểu học thu không quá 9 tháng/năm

+ Khoản thu trông trẻ mầm non ngoài giờ hành chính: thu theo thỏa thuận giữa nhà trường và cha mẹ học sinh

2. Công tác quản lý thu, chi

a) Các khoản thu được để lại 100% để sử dụng tại các đơn vị nhằm chi trả cho các nội dung chi theo đúng mục đích của các khoản thu. Tuyệt đối không sử dụng khoản thu này để điều chuyển hoặc chi cho nội dung, mục đích khác.

b) Việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, thu vừa đủ chi (*nếu có tồn quỹ cuối kỳ không quá 01% trên tổng số thu*) mang tính chất phục vụ, không mang tính kinh doanh; phải công khai, dân chủ, chi đúng mục đích.

c) Thực hiện công khai các khoản thu, chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, nghiêm túc thực hiện các quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

d) Ngoài các khoản kinh phí được thu theo quy định và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của trường tại Nghị quyết này, các trường công lập trên địa bàn tỉnh không được thỏa thuận bất cứ khoản thu nào khác.

đ) Hạch toán các khoản thu, chi các khoản thu dịch vụ theo quy định và chế độ chi được thống nhất trong hội đồng nhà trường, được đưa vào quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

3. Chế độ miễn, giảm

Căn cứ tình hình thực tế nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh thống nhất xem xét miễn, giảm cho các trường hợp sau:

a) Miễn các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động (không bao gồm tiền ăn) đối với học sinh: Có cha mẹ thuộc hộ nghèo theo quy định; bị tàn tật, khuyết tật; mồ côi cả cha lẫn mẹ; người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;

b) Giảm 50% các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động (không bao gồm tiền ăn) đối với học sinh: con của gia đình hộ cận nghèo, con mồ côi cha hoặc mẹ gặp khó khăn về kinh tế.

Phần thứ III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các địa phương hướng dẫn công tác thực hiện tại các đơn vị.

b) Hàng năm thực hiện tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Đề án, định kỳ báo cáo UBND tỉnh, HĐND tỉnh theo quy định.

c) Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra tại các cơ sở giáo dục nhằm đảm bảo thực hiện các khoản thu đúng quy định.

2. Báo Đồng Nai, Báo Lao động Đồng Nai, Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các địa phương để thực hiện tốt công tác tuyên truyền về chủ trương các khoản thu trong nhà trường để nhân dân hiểu, cộng đồng trách nhiệm cùng với nhà nước chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục trên địa bàn tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa

a) Công khai các khoản thu trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân, cha mẹ học sinh biết, thực hiện.

b) Thỏa thuận thống nhất bằng văn bản về mức thu khác của các cơ sở giáo dục công lập theo phân cấp quản lý.

c) Định kỳ đột xuất tổ chức kiểm tra việc thực hiện thu, chi tại các cơ sở giáo dục trực thuộc theo phân cấp quản lý.

d) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về công tác quản lý thu chi các khoản thu ngoài học phí của các trường trực thuộc theo phân cấp.

đ) Tổng hợp báo cáo và đánh giá tình hình thực hiện các khoản thu khác của các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc theo phân cấp. Báo cáo gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Kế hoạch Tài chính) trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.

4. Các cơ sở giáo dục công lập

a) Công khai các khoản thu để nhân dân, cha mẹ học sinh biết, thực hiện.

b) Tổ chức thu, quản lý và sử dụng nguồn thu khác theo đúng quy định.

c) Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về các khoản thu chi sai quy định trong nhà trường. Đối với những khoản thu sai quy định phải trả lại học sinh.

d) Chịu sự kiểm tra, thanh tra định kỳ, đột xuất của các cơ quan có thẩm quyền.

đ) Thực hiện chế độ miễn giảm theo quy định. Tuyệt đối không được để học sinh vì gia đình khó khăn không có tiền đóng góp mà phải bỏ học.

e) Báo cáo và đánh giá tình hình thực hiện các khoản thu khác gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp theo phân cấp trước ngày 01 tháng 10 hàng năm.

Trên đây là Đề án “mức thu, công tác quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025”. Sau khi nội dung Đề án được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh sẽ hướng dẫn để triển khai thực hiện đạt hiệu quả trên địa bàn tỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hòa Hiệp